

Bản tin chứng khoán

Trong số này

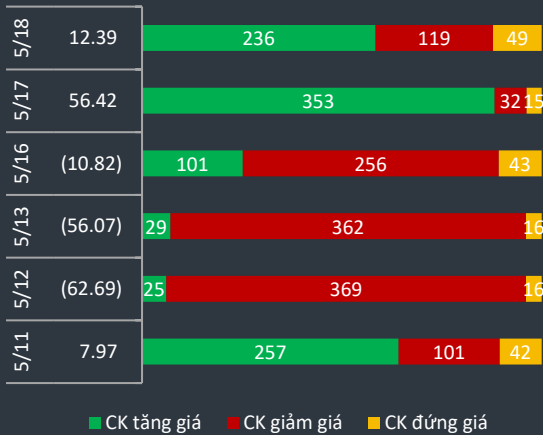
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

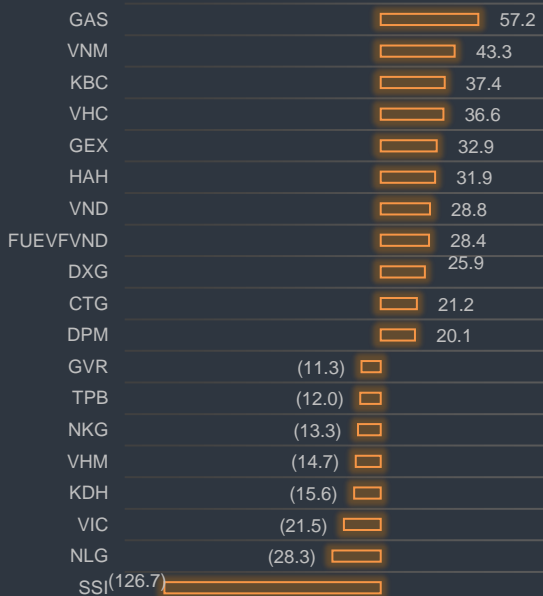
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Tin ngành: Theo tổng hợp của Colliers Việt Nam, tính đến hết quý I/2022, giá đất công nghiệp khu vực phía Nam đã tăng mạnh. Với 204 ha diện tích cho thuê và tỷ lệ lấp đầy đã đạt 90%, Khu chế xuất Tân Thuận tại quận 7 đang dẫn đầu khu vực TP.HCM về giá thuê với mức trung bình đạt 270 USD/m²/kỳ hạn.

17 trong 20 khu công nghiệp tại TP.HCM có giá thuê trung bình trên ngưỡng 120 USD/m²/kỳ hạn và chỉ còn 3 khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Cơ khí - ô tô (Hòa Phú) và Đông Nam có giá thuê trung bình dưới 120 USD, nhưng cả 3 nơi này đều có tỷ lệ lấp đầy ít nhất 82%.

TP.HCM cùng Bình Dương và Đồng Nai đang là tâm điểm tăng giá của thị trường bất động sản công nghiệp phía Nam, bất chấp nguồn cung có tín hiệu mở rộng đáng kể trong quý I/2022, cụ thể các dự án mới chính thức đi vào hoạt động đã giúp nguồn cung đất công nghiệp và nhà xưởng xây sẵn ở khu vực này tăng đáng kể lên lần lượt 26.724 ha và 3,8 triệu m².

Thị trường đã có phiên tăng thứ 2 liên tiếp dù mức tăng vừa phải khoảng 12 điểm. Thị trường vẫn còn sự thận trọng rất cao khi suốt cả phiên giao dịch chỉ số rung lắc liên tục và nhiều lần chạm ngưỡng quay đầu. Chỉ số VN30 phân hóa mạnh với hai nửa xanh đỏ khá rõ rệt.

Hai nhóm ngành quan trọng ngân hàng và chứng khoán vẫn giữ đà tăng tốt nhất trong đó ngân hàng có 16/27 mã xanh. VBB, SHB, STB, LPB đều chạm mức giá trần với dòng tiền mua rất mạnh. Cổ phiếu chứng khoán có VCI, FTS, BMS, CTS tiếp tục giữ đà tăng trần cùng với VND, HCM cũng xanh nhẹ khoảng 2%. Chỉ riêng SSI là điều chỉnh nhẹ - 1.7%

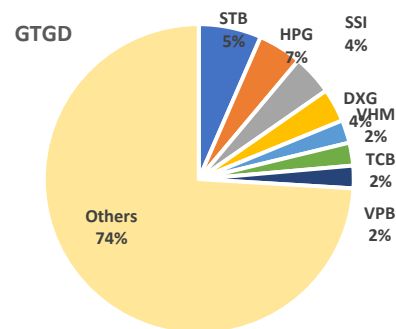
Một số cổ phiếu nhóm ngành khác như bán lẻ, phân bón, logistics có lực mua kéo trần trở lại như HAH, DCM, DPM, DGW...

Vnindex 1240.76

▲ +12.39 (+1.01%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	74.9	4.9	7.00
MSN	103.2	6.7	6.94
STB	21.8	1.4	6.88
REE	73.0	2.9	4.14
GAS	105.0	4.1	4.06
TCB	36.1	1.2	3.44
POW	12.7	0.3	2.02
MWG	133.5	1.9	1.44
CTG	26.6	0.4	1.33
MBB	26.7	0.4	1.33
BID	34.9	0.5	1.31
DHG	93.0	1.0	1.09
VNM	70.3	0.3	0.43
GVR	23.4	-	-
HDB	24.0	-	-
HPG	38.2	-	-
NVL	78.3	-	-
VRE	27.4	-	-
VIB	26.6	-	-
VHM	66.9	-	-
VIC	78.0	-	-
VPB	31.0	(0.1)	(0.16)
VCB	75.4	(0.6)	(0.79)
PLX	41.4	(0.4)	(0.96)
PNJ	102.1	(1.0)	(0.97)
BVH	50.7	(0.5)	(0.98)
ACB	29.0	(0.3)	(1.03)
SSI	28.7	(0.5)	(1.72)
VJC	125.7	(2.3)	(1.80)
FPT	97.7	(2.0)	(2.01)
HVN	18.8	(0.4)	(2.08)
PDR	55.8	(1.2)	(2.11)
SAB	161.5	(4.0)	(2.42)
TPB	32.2	(0.8)	(2.42)



Chỉ số Vnindex đã có chuỗi hồi khoảng 60 điểm. Chiều hôm nay một loạt tin mới về kỷ luật hàng loạt quan chức đứng đầu thị trường chứng khoán bao gồm cả ở sở giao dịch chứng khoán HOSE lẫn Ủy ban chứng khoán nhà nước. Thông tin kỷ luật thật ra đã có tin đồn râm ran từ trước đó và thật sự hôm nay mới có thông tin chính thức vì vậy mức độ ảnh hưởng đến tâm lý thị trường sẽ không quá đáng kể. Tuy nhiên nhà đầu tư cũng lưu ý phiên ngày mai có một đợt hàng giá rẻ phiên thứ 2 về tài khoản và cũng là ngày đáo hạn phái sinh định kỳ vì vậy khả năng thị trường rung lắc mạnh đầu phiên là rất cao. Các vị thế chốt lãi ngắn hạn và cơ cấu danh mục có thể thực hiện và chờ các nhịp điều chỉnh mạnh quay vòng mới có thể thực hiện.

Danh mục cổ phiếu quan tâm: **STB, VPB, BID, OCB, VCI, FTS, CTS, DGC, DGW, MWG, FPT, GMD.**

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DGC	203.0	(4.2)	170	250	Mua mới quanh 180-200	5/18/2022	4.1%
STB	21.8	(7.6)	17	28	Mua mới quanh 19-20	5/17/2022	8.7%
VCI	35.5	2.3	30	50	Mua mới quanh 31-33	5/17/2022	7.6%
FTS	37.0	(9.0)	30	45	Mua mới quanh 32-34	5/17/2022	7.1%
DGW	106.6	(7.9)	90	120	Mua thêm quanh 85-90	5/16/2022	-6.5%
MSN	103.2	(7.8)	90	120	Mua thêm quanh 90-95	5/16/2022	-1.7%
VPB	31.0	(7.3)	25	45	Mua thêm quanh 30-31	5/16/2022	-6.2%
GVR	23.4	(5.1)	20	35	Mua thêm quanh 22-24	5/16/2022	-10.2%
VIB	26.6	(32.6)	22	35	Mua thêm quanh giá 23-25	5/16/2022	-8.3%
OCB	19.0	(4.8)	15	26	Mua thêm quanh 16-18	5/16/2022	-9.8%
VCB	75.4	(5.8)	75	95	Mua quanh 75-78	4/21/2022	-3.8%
HPG	38.2	(6.0)	35	50	Nằm giữ	2/8/2022	-15.1%
TNG	27.5	(11.6)	24	45	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 35	2/7/2022	-5.2%
STK	53.9	(2.9)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	1.7%
MBB	26.7	(3.1)	25	35	Nằm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	-8.1%
MWG	133.5	(5.3)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	-1.1%
DPM	72.0	(8.4)	35	77	Chốt lãi	2/7/2022	71.4%
REE	72.0	(9.3)	60	90	Chốt lãi	1/20/2022	56.5%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Phân bón	3.44
Ngân hàng	1.97
Hàng & Dịch vụ...	1.86
Khoáng sản	1.68
Dịch vụ tài chính	1.61
Bán lẻ	1.61
Tài nguyên Cơ bản	1.55
Công nghệ Thông tin	1.33
Thủy sản	1.14
Ô tô và phụ tùng	1.06
Cao su	1.00
Điện	0.94
Hàng cá nhân & Gia...	0.92
Sản xuất và KD Thép	0.83
Bất động sản KCN	0.78
Thực phẩm và đồ...	0.74
Dệt May	0.67
Truyền thông	0.66
Hóa chất	0.61
Vận tải - Logistics	0.57
Vật liệu xây dựng	0.53
Bất động sản	0.53
Xây dựng	0.49
Dầu khí	0.43
Bảo hiểm	0.09
Viễn thông	(0.10)
Y tế	(0.18)
Du lịch và Giải trí	(0.34)
Bao bì (1.43)	
Nước(1.99)	

* **SSB**: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – SeABank (SSB – HOSE) thông qua việc triển khai phương án phát hành hơn 211 triệu cổ phiếu trả cổ tức và 109,7 triệu cổ phiếu thưởng, cùng 59,4 triệu cổ phiếu ESOP. Thời gian thực hiện trong quý II, quý III/2022. Bên cạnh đó, SSB có kế hoạch phát hành chào bán 228,7 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Thời gian thực hiện từ quý II cho đến quý IV/2022.

* **MHC**: Ông Phạm Bá Huy, Chủ tịch HĐQT CTCP MHC (MHC – HOSE) đã mua vào 1 triệu cổ phiếu MHC, tỷ lệ 2,41% từ ngày 27/4 đến 18/5 theo phương thức khớp lệnh. Trước giao dịch, ông Huy chưa nắm giữ bất kỳ cổ phiếu MHC nào.

* **PGC**: Ngày 27/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2021 của Tổng CTCP Gas Petrolimex (PGC – HOSE), ngày đăng ký cuối cùng là 30/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 14%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/6/2022.

* **RAL**: Ngày 31/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2021 của CTCP Bông đèn Phích nước Rạng Đông (RAL – HOSE), ngày đăng ký cuối cùng là 1/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 25%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/6/2022.

* **KSB**: CTCP DRH Holdings (DRH), cổ đông lớn của CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB – HOSE) đăng ký mua 3,7 triệu cổ phiếu KSB từ ngày 23/5 đến 21/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Dự kiến giao dịch thành công, DRH sẽ nâng sở hữu tại KSB lên hơn 22,79 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 29,88%.

* **TDP**: CTCP Thuận Đức (TDP – HOSE) thông qua việc góp vốn hơn 20,3 tỷ đồng vào dự án đầu tư Nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu, tương đương 10% tổng số vốn đầu tư dự án.

* **AGM**: CTCP Dược Lâm Đồng (Ladophar), cổ đông, tổ chức có liên quan đến ông Vũ Ngọc Long – Phó tổng giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (AGM – HOSE) đăng ký mua 100.000 cổ phiếu AGM từ ngày 23/5 đến 21/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Dự kiến giao dịch thành công, cổ đông trên sẽ nâng sở hữu tại AGM lên 260.000 cổ phiếu, tỷ lệ 1.43%.

* **POT**: Ông Nguyễn Tuấn Hà, em của bà Nguyễn Thị Bích Hồng - Ủy viên HĐQT CTCP Thiết bị Bưu điện (POT – HNX) đã mua vào hơn 574.000 cổ phiếu POT, tỷ lệ 2,96% trong ngày 11/5. Trước giao dịch, ông Hà chưa nắm giữ bất kỳ cổ phiếu POT nào.

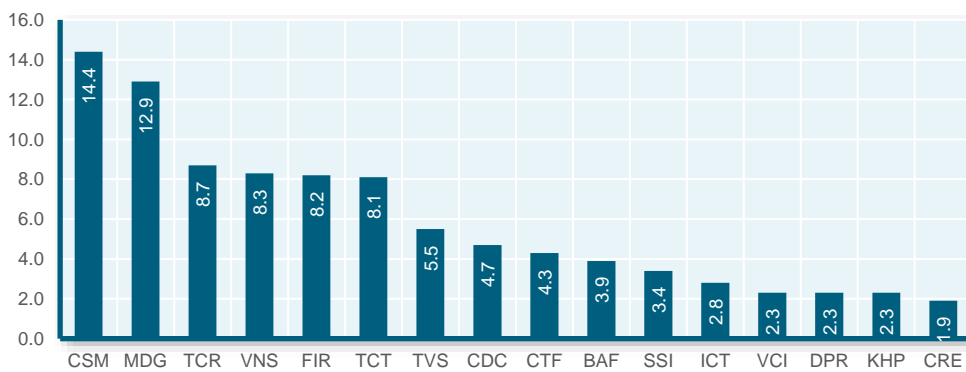


Tổng hợp kết quả kinh doanh theo ngành

Ngành	Số DN	Doanh thu Q1.2021	Doanh thu Q1.2022	% doanh thu	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi nhuận Q1.2022	% tăng trưởng LN
Ngân hàng	27	82,357	98,086	19.1%	41,478	54,098	30.4%
Bất động sản	72	62,697	46,729	-25.5%	11,746	10,415	-11.3%
Sản xuất và KD Thép	26	75,320	108,404	43.9%	8,886	9,967	12.2%
Dầu khí	22	103,834	173,495	67.1%	4,931	6,670	35.3%
Thực phẩm và đồ uống	70	60,283	62,634	3.9%	3,610	6,027	67.0%
Phân bón	13	10,388	20,483	97.2%	225	4,815	2036.3%
Điện	41	27,534	36,471	32.5%	2,462	4,799	94.9%
Dịch vụ tài chính	40	10,466	14,040	34.2%	3,532	4,743	34.3%
Vận tải - Logistics	69	19,671	23,903	21.5%	2,550	3,333	30.7%
Xây dựng	101	32,978	32,205	-2.3%	1,883	3,216	70.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58	16,670	23,388	40.3%	2,502	2,930	17.1%
Bất động sản KCN	21	12,803	12,523	-2.2%	2,634	2,926	11.1%
Bán lẻ	20	52,675	65,406	24.2%	1,753	2,084	18.9%
Hóa chất	25	14,070	21,084	49.9%	798	2,022	153.4%
Vật liệu xây dựng	39	11,623	14,340	23.4%	1,188	1,604	35.0%
Thủy sản	25	13,681	17,157	25.4%	494	1,481	199.5%
Công nghệ Thông tin	17	9,847	12,189	23.8%	954	1,465	53.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	25	14,084	17,789	26.3%	1,038	1,380	33.0%
Bảo hiểm	12	15,510	17,666	13.9%	1,230	1,341	9.0%
Dệt May	20	11,400	15,588	36.7%	531	823	55.0%
Y tế	34	10,474	9,339	-10.8%	606	735	21.4%
Nước	49	5,118	5,419	5.9%	727	647	-11.1%
Tài nguyên Cơ bản	20	7,246	8,491	17.2%	481	490	1.9%
Du lịch và Giải trí	30	7,525	8,365	11.2%	113	411	263.8%
Khoáng sản	25	13,545	19,506	44.0%	(79)	366	-563.3%
Ô tô và phụ tùng	11	9,478	11,218	18.4%	289	318	9.8%
Truyền thông	27	896	909	1.5%	181	180	-0.7%
Cao su	13	1,154	1,211	5.0%	175	161	-7.6%
Bao bì	16	5,719	8,100	41.6%	125	128	2.0%
Xây dựng và Vật liệu	51	5,031	4,506	-10.4%	27	48	76.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	1,796	2,599	44.7%	29	28	-2.0%
Tổng	1024	725,871	913,243	25.8%	97,099	129,650	33.5%



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	PE	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	29.0	-15.8%	3,521,100	7.2	1.6	-	-	4,022	17,840
BID	HOSE	34.9	-6.7%	1,288,800	13.3	2.0	100,600	113,900	2,615	17,066
CTG	HOSE	26.6	-23.6%	6,426,500	9.7	1.3	1,765,400	968,500	2,739	20,454
EBB	HOSE	31.5	-7.1%	114,300	26.9	2.1	20,600	1,300	1,172	15,006
HDB	HOSE	24.0	-22.8%	2,847,700	6.8	1.5	1,171,300	491,900	3,306	16,306
LPB	HOSE	14.8	-27.1%	7,999,600	5.0	1.0	14,500	132,500	2,933	14,712
MBB	HOSE	26.7	-8.4%	8,675,300	6.8	1.5	28,400	21,700	3,933	17,750
MSB	HOSE	19.6	-31.0%	2,024,900	6.1	1.3	-	-	3,231	15,132
OCB	HOSE	19.0	-32.3%	1,637,800	5.9	1.2	58,200	18,200	3,206	16,404
SHB	HOSE	13.9	-38.2%	6,464,200	4.8	1.0	110,800	100	2,913	14,181
SSB	HOSE	34.8	-17.9%	2,171,000	15.1	2.6	418,100	-	2,304	13,611
STB	HOSE	21.8	-32.2%	27,100,600	11.7	1.2	5,212,100	4,953,300	1,856	18,174
TCB	HOSE	36.1	-29.2%	8,689,300	6.6	1.3	-	-	5,458	28,080
TPB	HOSE	32.2	-24.8%	3,950,000	7.9	1.9	113,300	485,000	4,079	17,310
VCB	HOSE	75.4	-4.6%	881,000	12.8	2.6	325,200	435,100	5,910	29,421
VIB	HOSE	28.6	-44.2%	1,185,100	5.7	1.6	-	-	4,651	16,748
VPB	HOSE	31.0	-14.0%	11,877,200	6.0	1.4	-	10,000	5,135	21,416
BAB	HNX	19.6	-14.0%	12,900	19.2	1.6	-	-	1,021	12,279
NVB	HNX	33.9	2.7%	46,200	-	4.4	80	2,300	3	7,695
VBB	UPCOM	12.2	-36.1%	19,000	11.4	1.0	-	-	1,068	12,202
VAB	UPCOM	10.7	-27.7%	253,800	5.6	0.9	-	-	1,902	12,443
SGB	UPCOM	14.8	-20.4%	7,500	-	1.2	100	-	540	12,368
PGB	UPCOM	22.5	-33.0%	22,100	22.6	1.6	-	-	997	14,272
NAB	UPCOM	15.4	-22.2%	64,400	-	100	-	-	3,247	17,329
KIB	UPCOM	29.2	14.5%	400	28.3	2.2	60	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	13.8	-40.0%	435,800	19.0	1.1	-	-	725	13,020
ABB	UPCOM	11.7	-28.7%	1,821,700	4.7	0.9	-	-	2,491	12,860
				99,538,200	11.22	1.61	9,338,840	7,594,800	2,692	16,197



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TPC	HOSE	24/05/2022	25/05/2022	27/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BTW	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PPP	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GER	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	VGG	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	REE	HOSE	17/05/2022	18/05/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	SED	HNX	13/05/2022	16/05/2022	8/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	INN	HNX	12/5/2022	13/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VNX	UPCoM	12/5/2022	13/05/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VDT	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TDW	HOSE	11/5/2022	12/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HHR	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	GMH	HOSE	10/5/2022	11/5/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:45	Phát hành thêm
15	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:39	Thưởng cổ phiếu
16	VGL	UPCoM	9/5/2022	10/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	BAX	HNX	9/5/2022	10/5/2022	11/8/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TET	HNX	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DHA	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FMC	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PHS	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	6/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DRL	HOSE	6/5/2022	9/5/2022	18/05/2022	Trả cổ tức đợt 4/2021 bằng tiền, 2,273 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	AGP	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	19/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	VLA	HNX	6/5/2022	9/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:85	Thưởng cổ phiếu
25	NDW	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	20/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 320 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	CAB	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	9/6/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 540 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HRB	UPCoM	5/5/2022	6/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PSC	HNX	5/5/2022	6/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931